

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 18-3-2019  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mỹ Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Xuân Thanh.

Bà Bùi Ngọc Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Hồng Quốc K, sinh năm 1980 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hồng Quốc K trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống vào năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh

mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi, cuộc sống không hạnh phúc. Nay cảm thấy vợ chồng không còn chung sống được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 01 người con chung tên Hồng Quốc H, sinh ngày 15/5/2014, hiện đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn, anh thống nhất giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai đề ngày 03/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hồng Quốc K tự nguyện chung sống vào năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình không phù hợp, cuộc sống không hạnh phúc. Nay anh K yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Gồm có 01 người tên Hồng Quốc H, sinh ngày 15/5/2014, hiện đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa: Anh K bảo lưu quan điểm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Do anh K và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nên đề nghị tuyên: Không công nhận anh K và chị T là vợ chồng. Về nuôi con chung chị T được tiếp tục nuôi cháu Hồng Quốc H, sinh ngày 15/5/2014. Về chia tài sản chung không đặt ra xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị T có đơn đề nghị vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Hồng Quốc K và chị Huỳnh Thị T tự tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh K và chị T có những mâu thuẫn bất hòa. Nay xét thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh K yêu cầu ly hôn, chị T đồng ý. Xét thấy việc anh K và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 9 Luật

Hôn nhân và Gia đình thì anh Hồng Quốc K và chị Huỳnh Thị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Gồm có 01 người tên Hồng Quốc H, sinh ngày 15/5/2014, hiện đang sống cùng chị T. Sau khi ly hôn anh K và chị T thống nhất để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận giữa các đương sự không trái với quy định nên được ghi nhận, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồng Quốc H, sinh ngày 15/5/2014. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Hồng Quốc K phải chịu 300.000 đồng. Anh K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000568 ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị T.

Căn cứ Điều 9; Điều 14, Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Hồng Quốc K và chị Huỳnh Thị T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị T được tiếp tục nuôi cháu Hồng Quốc H, sinh ngày 15/5/2014. Anh Hồng Quốc K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Huỳnh Thị T.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm anh Hồng Quốc K phải chịu 300.000 đồng. Anh Hồng Quốc K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005468 ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Mỹ Phương**